

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QL01013: BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ (GEOGRAPHICAL MAP)

I. Thông tin về học phần

- Học kỳ: 3
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 – Tự học: 6)
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành trong phòng thực tập thiết kế: 8 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân)
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - Bộ môn: Trắc địa Bản đồ
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input checked="" type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh , Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế, môi trường, chính trị, xã hội và nhân văn trong lĩnh vực quản lý đất đai.	1.1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên trong lĩnh vực quản lý đất đai
Kiến thức chuyên môn	
CĐR2: Phân tích công tác quản lý và sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	2.1: Phân tích công tác quản lý đất đai theo luật đất đai để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội
Kỹ năng chung	

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
CĐR5: Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.	5.1. Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.
Kỹ năng chuyên môn	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 8: Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.	8.1. Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

* **Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Học phần nhằm giúp cho sinh viên nắm bắt và áp dụng được các yếu tố cơ bản về địa lý học trái đất, các yếu tố tự nhiên kinh tế xã hội của vùng lãnh thổ khi được thể hiện trên bản đồ. Những vấn đề cơ bản đối với các yếu tố địa lý thể hiện. Sau khi học xong môn học này sinh viên có thể trình bày và thể hiện các đối tượng tự nhiên kinh tế xã hội của vùng lãnh thổ trên bản đồ địa lý phục vụ các mục đích trong thực tiễn. Sinh viên sẽ trở thành nhà quản lý và làm việc có tính chuyên nghiệp

- Về kỹ năng: Học xong phần lý thuyết và thực hành môn Bản đồ địa lý, sinh viên có thể vận dụng được các kỹ năng đọc, phân tích các đối tượng địa lý chung trên bản đồ, thiết kế, biên tập và sử dụng bản đồ địa lý trong thực tiễn sản xuất. Đồng thời, giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Quản lý đất đai và các lĩnh vực liên quan, đóng góp cho sự phát triển của Ngành và sự phát triển bền vững.

- Về các mục tiêu khác (thái độ học tập): Sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, tham gia các buổi thực hành đầy đủ.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã học phần	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT			
		1.1	2.1	5.1	8.1
QL01013	Bản đồ địa lý	P	P	P	I

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên trong về địa lý và thành lập bản đồ địa lý	CB1.1
K2	Phân tích công tác quản lý và sử dụng bản đồ địa lý trong thực tiễn sản xuất	CB2.1

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được		CĐR của CTĐT
Kỹ năng			
K3	Sử dụng thành thạo các kỹ năng làm việc nhóm trong biên tập và thành lập bản đồ địa lý phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai.		CB5.1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
K4	Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.		CB 8.1

III. Nội dung tóm tắt của học phần

QL01013. Bản đồ địa lý (Geographical Map). (2TC: 1,5 -0,5- 6) Những vấn đề chung về bản đồ địa lý; cơ sở toán học của bản đồ địa lý; nội dung bản đồ địa lý; tổng quát hóa và mô hình hóa bản đồ địa lý; phương pháp thành lập và biên tập bản đồ địa lý; sử dụng bản đồ và công nghệ số trong thành lập bản đồ địa lý; ứng dụng bản đồ địa lý trong thực tiễn.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- + Thuyết giảng
- + Giảng dạy thực hành, xử lý số liệu, thành lập bản đồ.

2. Phương pháp học tập

- + Nghe thuyết giảng;
- + Nghiên cứu đọc tài liệu;
- + Thực hiện các nội dung thực hành do giảng viên hướng dẫn và làm việc nhóm.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số tiết học lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và sách tham khảo do giảng viên giới thiệu trước buổi học.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia 100% giờ thực hành. Thực hành theo nhóm, nộp và bảo vệ sản phẩm theo quy định.
- Thi cuối kỳ: Sinh viên phải tham gia và làm bài thi kết thúc học phần.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	
Tham dự lớp	K4	10	Theo lịch học viện
Kiểm tra giữa kỳ	K1, K2	10	Theo lịch học viện

Thực hành	K3	20	Theo lịch học viện
Đánh giá cuối kỳ		60	
Thi cuối môn học	K1, K2	60	Theo lịch học viện

Bảng 2: Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Trình bày những vấn đề chung về bản đồ địa lý, tập bản đồ địa lý
K1	Chỉ báo 2: Trình bày các nội dung về bản đồ và sử dụng bản đồ địa lý
K2	Chỉ báo 3: Phân tích cơ sở toán học của bản đồ địa lý
K2	Chỉ báo 4: Phân tích công tác thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ địa lý
K2	Chỉ báo 5: Phân tích ý nghĩa, vai trò của bản đồ địa lý trong thực tiễn sản xuất

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thời gian tham dự lớp	80%	Tham dự từ >= 22 tiết	Tham dự từ 19 - 22	Tham dự từ 17-19 tiết	<17 tiết
Thái độ tham dự	20%	Với các sinh viên bị nhắc nhở do mất trật tự, làm việc riêng trong giờ mỗi lần trừ 1-2 điểm			

Rubric 3. Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành	Có tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành	Có tham gia nhưng không chú ý và chia sẻ trong quá trình thực hành	Không tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có một số sai sót.	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
		Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Sản phẩm giao nộp	10	Đúng format, trình bày đẹp, rõ ràng, logic và nộp đúng hạn	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự thực hành: Sinh viên không tham dự thực hành sẽ bị 0 điểm thực hành và không đủ điều kiện dự thi lý thuyết;
- Tham dự bài thi: Sinh viên không tham gia bài thi sẽ bị 0 điểm;
- Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình:

[1] Nguyễn Đình Trung, Trần Trọng Phương (2022). *Bài giảng Bản đồ địa lý*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, (Tài liệu tham khảo chính)

Tài liệu tham khảo khác:

[2] Cartography: Visualization of Spatial Data, *Meno-Jan Krakk & Ferjal Ormeling, LONGMAN*

[3] Cartographic Design And Production (Second Edition), *J.S. Keates, Longman Scientific & Technical.*

[4] Công ty TNHH Trắc địa và Công nghệ Toàn Việt (2019). Phần mềm thành lập bản đồ địa chính Viet Map XM.

Các kết quả nghiên cứu khác:

A. Bài báo khoa học:

1. Nguyễn Đức Lộc, **Trần Trọng Phương** (2018), Xây dựng bản đồ trực tuyến cảnh quan Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Tạp chí Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, kỳ 1 số 10/2018.
2. Nguyễn Khắc Năng, Nguyễn Đức Lộc, **Trần Trọng Phương** (2018). Xây dựng mô hình không gian ba chiều từ nguồn dữ liệu địa lý tình nguyện. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VNUA), tập 16, số 11.

B. Đề tài nghiên cứu khoa học:

1. Nguyễn Đức Lộc, **Trần Trọng Phương & cs** (2016). Ứng dụng Google Maps API xây dựng bản đồ trực tuyến chỉ dẫn địa lý vải Thanh Hà. Đề tài cấp Học viện

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	NỘI DUNG	KQHTMD của học phần
1-2	<p>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết)</p> <p>1.1. Khái quát chung về bản đồ địa lý</p> <p>1.2. Các yếu tố của bản đồ địa lý</p> <p>1.3. Ý nghĩa các yếu tố biểu thị trên bản đồ địa lý</p> <p>1.4. Mối liên hệ giữa bản đồ địa lý và các môn học khác</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (12 tiết)</p> <p>1.5. Ôn tập kiến thức chương 1</p> <p>1.6. Nghiên cứu tài liệu tham khảo</p>	K1
3-4	<p>Chương 2: CƠ SỞ TOÁN HỌC CỦA BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết)</p> <p>2.1. Đặc tính cơ bản các phép chiếu dùng trong bản đồ địa lý</p>	K1, K2

Tuần	NỘI DUNG	KQHTMĐ của học phần
	2.2. Hệ toạ độ dùng trong bản đồ địa lý 2.3. Bản đồ địa lý và bản đồ chuyên đề 2.4. Bố cục của bản đồ địa lý B. Các nội dung tự học ở nhà (12 tiết) 2.5. Ôn tập kiến thức chương 2 2.6. Nghiên cứu tài liệu tham khảo	
5-6	Chương 3: NỘI DUNG BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ A. Các nội dung chính trên lớp (8 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết) 3.1. Nội dung của bản đồ địa lý 3.2. Hệ thống ký hiệu quy ước trên bản đồ địa lý 3.3. Ghi chú trên bản đồ địa lý Nội dung thực hành:(4 tiết) <i>Bài 1.</i> Đọc và xác định các đối tượng địa lý chung trên bản đồ ở các tỷ lệ từ 1/10.000 đến 1/50.000 B. Các nội dung tự học ở nhà (24 tiết) 3.4. Ôn tập kiến thức chương 3 3.5. Nghiên cứu tài liệu tham khảo	K4 K1, K2
7-8	Chương 4: TỔNG QUÁT HÓA VÀ MÔ HÌNH HÓA BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết) 4.1. Khái niệm về tổng quát hóa bản đồ 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng quá trình tổng quát hóa 4.2. Tổng quát hóa các yếu tố kinh tế xã hội của bản đồ địa lý 4.4. Mô hình hóa các yếu tố trong bản đồ kinh tế xã hội B. Các nội dung tự học ở nhà (12 tiết) 4.5. Ôn tập kiến thức chương 4 4.6. Nghiên cứu tài liệu tham khảo	K2, K3 K4
8-9	Chương 5: PHƯƠNG PHÁP THÀNH LẬP VÀ BIÊN TẬP BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ A. Các nội dung chính trên lớp (8 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết) 5.1. Cơ sở lý thuyết về biên tập bản đồ 5.2. Thiết kế và thành lập bản đồ địa lý 5.3. Các phương pháp thành lập bản đồ địa lý 5.4. Chuyển vẽ các yếu tố nội dung của bản đồ địa lý 5.5. Biên tập bản đồ địa lý theo nội dung Nội dung thực hành:(4 tiết) <i>Bài 2.</i> Minh họa các đối tượng địa lý trên bản đồ ở các tỷ lệ 1/10.000 đến 1/50.000	K3

Tuần	NỘI DUNG	KQHTMD của học phần
	B. Các nội dung tự học ở nhà (24 tiết) 5.6. Ôn tập kiến thức chương 5 5.7. Nghiên cứu tài liệu tham khảo	K4
10	Chương 6: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ A. Các nội dung chính trên lớp (2 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (2 tiết) 6.1. Sử dụng bản đồ 6.2. Khái niệm về công nghệ bản đồ số 6.3. Cơ sở dữ liệu bản đồ số 6.4. Phần mềm ứng dụng trong thành lập bản đồ 6.5. Ứng dụng bản đồ địa lý trong thực tiễn B. Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) 6.6. Ôn tập kiến thức chương 6 6.7. Nghiên cứu tài liệu tham khảo	K1,K2
		K4

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Đảm bảo diện tích, chỗ ngồi, điều kiện chiếu sáng, không gian thoáng sạch theo tiêu chuẩn phòng học bậc Đại học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Đảm bảo đủ phương tiện cần thiết như máy chiếu, bảng phấn, loa mic, phần mềm, máy tính.
- Các phương tiện khác: không
- E-learning

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. Trần Trọng Phương

TS. Nguyễn Đình Trung

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Trần Quốc Vinh



GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Trọng Phương	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 098.988.5868
Email: ttphuong@vnua.edu.vn ;	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Đình Trung	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 096.396.2286
Email: ndtrung@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	

Các lần cải tiến (Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của học viện):

- Lần 1: 7/2018

- + Bổ sung chuẩn đầu ra theo quy định của Học Viện với 18 chuẩn đầu ra theo từng mức độ đóng góp của học phần
 - + Bổ sung 3 Rubric gồm: 1. Rubric đánh giá chuyên cần, 2. Rubric đánh giá thực hành, 3. Rubric đánh giá cuối kỳ
 - + Bổ sung tài liệu tham khảo
 - + Thiết kế lại cấu trúc đề cương theo quy định của Học viện

- Lần 2: 7/2019

- + Điều chỉnh học phần kiến thức từ cơ sở ngành sang chuyên ngành
- + Bổ sung thêm 01 Rubric đánh giá kiểm tra giữa kỳ
- + Bổ sung thay đổi tiêu chuẩn đầu ra từ mức: Không đóng góp, có đóng góp, đóng góp nhiều sang I (Giới thiệu), P (thực hiện), R(Củng cố), M (Đạt được).
- + Sửa từ 18 chuẩn đầu ra còn 12 chuẩn đầu ra theo quy định của Học viện.

- Lần 3: 7/2020

- + Bổ sung Phương pháp giảng dạy trực tuyến qua phần mềm MicroSoft Team
- + Bổ sung tài liệu tham khảo trực tuyến

- Lần 4: 7/2021

- + Cấu trúc lại bảng phương pháp đánh giá
- + Bổ sung tài liệu tham khảo

- Lần 5: 7/2022

- + Cấu trúc lại chuyên ngành đào tạo chỉ để 1 chuyên ngành quản lý đất đai
- + Điều chỉnh lại bảng Phương pháp đánh giá

- Lần 6: 2023

- + Chính sửa CDR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 9 CDR, 1 chuyên ngành Quản lý đất đai. Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.